

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt. Các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa		
1.1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ: Nhà thầu phải kê khai đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, nhà sản xuất, ký mã hiệu/model (nếu có) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất theo mẫu quy định tại Bảng số 03, Mục 3, Chương V, E-HSMT. Hàng hóa do nhà thầu đề xuất phải đáp ứng các thông số kỹ thuật (về màu sắc, quy cách, chất liệu...(nếu có)) được thể hiện trong Bảng số 1 Chương V của E-HSMT và Hồ sơ thiết kế được đính kèm TBMT.	Nhà thầu kê khai đầy đủ thông tin cho các chủng loại hàng hóa theo yêu cầu. Và tất cả các chủng loại hàng hóa cung cấp cho gói thầu có thông số kỹ thuật đáp ứng hoặc đáp ứng tốt hơn yêu cầu được thể hiện trong Bảng số 1 Chương V của E-HSMT và Hồ sơ thiết kế được đính kèm TBMT.	Đạt
	Nhà thầu không kê khai đầy đủ thông tin cho các chủng loại hàng hóa theo yêu cầu hoặc có chủng loại hàng hóa có thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và Hồ sơ thiết kế được đính kèm TBMT.	Không đạt
1.2. Tính hợp lệ của hàng hóa chào thầu: Nhà thầu có văn bản cam kết của nhà thầu được người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc người đại diện liên danh hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký phải đính kèm văn bản ủy quyền), bao gồm đầy đủ các nội dung dưới đây: a. Cam kết cung cấp đúng yêu cầu về chủng loại, số lượng, đáp ứng tối thiểu yêu cầu về kỹ thuật được quy định tại E-HSMT;	Nhà thầu có văn bản cam kết nêu đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.	Đạt
	Nhà thầu không có đủ các cam kết hoặc không đáp ứng một trong các nội dung theo yêu cầu.	Không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
b. Cam kết các hàng hoá mới 100% chưa qua sử dụng, được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai nguyên kiện (nếu được đóng gói). c. Cam kết khi thực hiện bàn giao hàng hóa phải cung cấp Giấy chứng nhận/chứng chỉ xuất xưởng và làm thủ tục bảo hành theo đúng quy định đối với hàng hóa sản xuất trong nước. d. Cam kết khi thực hiện bàn giao hàng hóa phải cung cấp các giấy tờ chứng minh xác nhận hợp pháp về xuất xứ của hàng hóa (C/O, C/Q, packing list...), các phụ kiện đi kèm (nếu có) và làm thủ tục bảo hành theo đúng quy định đối với hàng hóa nhập khẩu.		
1.3. Tiêu chuẩn chất lượng của vật tư, vật liệu: Nhà thầu phải kê khai đầy đủ chủng loại vật tư, vật liệu sử dụng cho gói thầu với danh sách và thông số kỹ thuật được nêu tại Bảng số 02, Mục 2, Chương V, E-HSMT. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh: Giấy chứng nhận/chứng chỉ chất lượng/catalogue của vật tư, vật liệu thể hiện rõ các thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Nhà thầu kê khai đầy đủ chủng loại vật tư, vật liệu sử dụng cho gói thầu với thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và đính kèm đầy đủ tài liệu chứng minh cùng E-HSDT thể hiện rõ các thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không kê khai đầy đủ chủng loại vật tư, vật liệu sử dụng cho gói thầu hoặc có thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc không đính kèm đầy đủ tài liệu chứng minh cùng E-HSDT.	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa		
2.1. Bản vẽ chi tiết liên kết: Danh sách bản vẽ chi tiết liên kết các cấu kiện cho các chủng loại hàng hóa được nêu tại Bảng số 05, Mục 3,	Nhà thầu có đầy đủ bản vẽ chi tiết liên kết các cấu kiện theo yêu cầu và phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và Hồ sơ thiết kế được đính kèm TBMT.	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
Chương V, E-HSMT.	Nhà thầu không có đầy đủ bản vẽ chi tiết liên kết các cấu kiện theo yêu cầu hoặc có nhưng không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và Hồ sơ thiết kế được đính kèm TBMT.	Không đạt
2.2. Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu:	Nhà thầu có sơ đồ, thuyết minh hệ thống tổ chức, đảm bảo chất lượng của nhà thầu bao gồm các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn...tổ đội thi công.	Đạt
	Nhà thầu không có sơ đồ, thuyết minh hệ thống tổ chức, đảm bảo chất lượng của nhà thầu hoặc có nhưng không đầy đủ các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn...tổ đội thi công.	Không đạt
2.3. Biện pháp thi công, lắp đặt của nhà thầu: Nhà thầu có biện pháp thi công, lắp đặt, thuyết minh rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với điều kiện thực tế của công trình, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau: - Công tác sản xuất/đặt hàng và vận chuyển, tập kết tại công trình. - Công tác thi công, lắp đặt hoàn thiện các nội dung công việc thuộc gói thầu; - Công tác an toàn lao động; - Vệ sinh công nghiệp, bàn giao nghiệm thu	Nhà thầu có biện pháp thi công, lắp đặt, thuyết minh rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với điều kiện thực tế của công trình, bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.	Đạt
	Nhà thầu không có biện pháp thi công, lắp đặt, hoặc: Nhà thầu có biện pháp thi công, lắp đặt nhưng không rõ ràng, không đầy đủ, không phù hợp với điều kiện thực tế của công trình, không có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.	Không đạt
2.4. Biện pháp bảo đảm chất lượng của nhà thầu tại công trình: Nhà thầu có biện pháp bảo đảm chất	Nhà thầu có biện pháp bảo đảm chất lượng của nhà thầu tại công trình, bao gồm đầy đủ các nội	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
lượng của nhà thầu tại công trình, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau: - Quản lý chất lượng vật tư, hàng hóa: + Các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, hàng hóa, vận chuyển, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản. + Biện pháp bảo vệ hàng hóa lắp đặt trên công trình trước và sau khi lắp đặt; - Quản lý chất lượng cho từng công tác lắp đặt: Quy trình chuẩn bị, thi công, kiểm tra nghiệm thu phần lắp đặt thiết bị.	dung theo yêu cầu.	
	Nhà thầu không có biện pháp bảo đảm chất lượng của nhà thầu tại công trình, hoặc: Nhà thầu có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.	Không đạt
2.5. Biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy: Nhà thầu có biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau: - Tổ chức huấn luyện/đào tạo về an toàn lao động cho các nhân sự tham gia thi công lắp đặt; - Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy trong quá trình thi công, lắp đặt; - Biện pháp đảm bảo an ninh công trường, quản lý nhân lực, thiết bị; - Biện pháp giảm thiểu: Tiếng ồn, bụi, rung; - Biện pháp kiểm soát rác thải.	Nhà thầu có biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.	Đạt
	Nhà thầu không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, hoặc: Nhà thầu có biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy nhưng không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.	Không đạt
3. Tiến độ thi công, lắp đặt hàng hóa:		
	Nhà thầu có biểu đồ tiến độ thi	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
3.1. Biểu đồ tiến độ thi công, lắp đặt:	công, lắp đặt hàng hóa, trong đó nêu rõ thời gian sản xuất, chế tạo/đặt hàng, vận chuyển và thời gian thi công, lắp đặt tại công trình hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	
	Nhà thầu không có biểu đồ tiến độ thi công, lắp đặt hàng hóa, hoặc: Nhà thầu có biểu đồ tiến độ thi công, lắp đặt hàng hóa nhưng không nêu rõ thời gian sản xuất, chế tạo/đặt hàng, vận chuyển và thời gian thi công, lắp đặt tại công trình, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không đạt
3.2. Tổng tiến độ thi công và Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, lắp đặt hàng hóa:	Tổng tiến độ thi công ≤ 30 ngày. Nhà thầu có biện pháp đảm bảo tiến độ trong quá trình thi công, lắp đặt hàng hóa.	Đạt
	Tổng tiến độ thi công > 30 ngày hoặc Nhà thầu không có biện pháp đảm bảo tiến độ trong quá trình thi công, lắp đặt hàng hóa.	Không đạt
4. Bảo hành, bảo trì		
4.1. Thời gian bảo hành và bảo trì miễn phí cho toàn bộ hàng hoá kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng:	Nhà thầu có Văn bản cam kết thời gian bảo hành và bảo trì miễn phí cho toàn bộ hàng hoá kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng ≥ 12 tháng.	Đạt
	Nhà thầu không có văn bản cam kết thời gian bảo hành và bảo trì miễn phí cho toàn bộ hàng hoá, hoặc:	Không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	Nhà thầu có Văn bản cam kết thời gian bảo hành và bảo trì miễn phí cho toàn bộ hàng hoá nhưng thời gian bảo hành, bảo trì miễn phí cho toàn bộ hàng hoá kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng < 12 tháng.	
4.2. Phương án bảo hành và bảo trì:	Trong vòng 48 giờ kể từ khi Chủ đầu tư thông báo cho nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, nhà thầu phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật; Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật..... và cử cán bộ kỹ thuật có mặt trong vòng 24h kể từ khi nhận được thông tin yêu cầu bảo hành của chủ đầu tư.	Đạt
	Nhà thầu không có phương án bảo hành, thời gian thực hiện bảo hành khi có sự cố hoặc: Nhà thầu có phương án bảo hành, thời gian thực hiện bảo hành khi có sự cố nhưng cử cán bộ kỹ thuật có mặt để khắc phục sự cố trong thời gian >24 giờ kể từ khi nhận được thông tin yêu cầu bảo hành để khắc phục sự cố của Chủ đầu tư.	Không đạt
5. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường		
Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường	Có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường (Trường hợp hàng hóa được cung cấp không hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường thì nhà thầu phải có đề xuất biện pháp giải quyết).	Đạt
	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu trên (kể cả sau khi làm rõ)	Không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
6. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng		
Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng	Nhà thầu có các cam kết: + Có cam kết vận chuyển hàng hóa đảm bảo đúng kỹ thuật, không va đập, không trầy xước, không bóp méo, không cong vênh. Hàng hóa được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất. + Có cam kết bố trí nhân sự bốc xếp và phương tiện vận chuyển hàng hóa đến đúng vị trí yêu cầu tại kho của Chủ đầu tư. Hàng hóa được sắp xếp khoa học, thuận tiện trong quá trình sử dụng. + Có cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao hàng nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.	Đạt
	Nhà thầu không đáp ứng một trong các yêu cầu trên (kể cả sau khi làm rõ)	Không Đạt
7. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có)		
Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có)	Có cam kết đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu trên (kể cả sau khi làm rõ)	Không Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
Kết Luận	<i>Đáp ứng tất cả các nội dung trên</i>	Đạt
	<i>Không đáp ứng một trong các nội dung ở trên</i>	Không đạt